

The world of work

GETTING STARTED

Our parents' jobs

Vào link bên dưới để nghe và luyện tập đoạn hội thoại ở trang 60-61 trong Sách Global Success 12 (Muốn nghe câu nào nhấn vào câu đó). Khi vào lớp từ 2-4 bạn sẽ được gọi để thực hành trước lớp.

1 

Listen and read.

NHẤN VÀO ĐÂY!

Tìm các từ/cụm từ trong đoạn hội thoại mà EM có thể dùng để miêu tả các hình bên dưới (ít nhất 4 từ/cụm từ cho mỗi hình). Ghi nhận các từ/cụm từ đó vào tập chuẩn bị theo từng hình. Viết ngắn gọn chủ đề chính của từng hình.



The world of work

GETTING STARTED

LANGUAGE

Dịch và chép phần ghi chú ngữ pháp bên dưới vào tập chuẩn bị. Lưu ý: chỉ dịch phần cần dịch.

Grammar

Simple, compound, and complex sentences (review and extension)

Remember!

1. A simple sentence includes one independent clause.
Example:
My brother didn't apply for the job.
2. A compound sentence includes two or more independent clauses joined by a coordinating conjunctive, e.g. *and, but, or, nor, yet, so*, a correlative conjunction, e.g. *not only ... but also*, or a conjunctive adverb, e.g. *as a result, moreover, in fact, on the other hand*.
Example:
My brother didn't apply for the job, but he was offered an apprenticeship.
Being a nurse is a very tiring job; moreover, you don't earn a high salary.
3. A complex sentence includes one (or more) independent clause(s) and at least one dependent clause joined by a subordinating conjunction, e.g. *when, while, because, although, if, so that*.
Example:
When I was younger, I wanted to become a driver.
Because my brother is often late for work, he is never promoted.

4 Complete the sentences with phrases or clauses in the box based on the conversation in 1.

- a. because it opens up so many job opportunities
- b. so she wants to become a primary school teacher like her mum
- c. a difficult job
- d. though teaching can be tiring

1. In Lan's opinion, being an accountant is _____.
2. Mark wants to study computer programming _____.
3. Lan likes to work with children, _____.
4. Lan's mum loves her job _____.

Làm bài tập bên cạnh và chép vào tập chuẩn bị. Dưới từng câu em hãy viết nhận định câu đó là loại câu gì (1, 2 hay 3) trong phần ghi chú ngữ pháp bên trên.

The world of work

LANGUAGE

Vocabulary

Work

1 Match the words with their meanings.

something

1 challenging (adj)

a worth doing, especially by making you feel satisfied that you have done something useful

2 relevant (adj)

b money added to somebody's salary as a reward for good work

3 bonus (n)

c difficult in an interesting way that tests your ability

4 employ (v)

d related to a subject or to something happening or being discussed

5 rewarding (adj)

e to have someone work or do a job for you and pay them for it

Nối từ với định nghĩa. Khi ghi vào tập chuẩn bị thì gạch dưới một số từ ở phần định nghĩa mà em cho là liên hệ chặt chẽ nhất với từ gốc. TD: afford - to have enough money to buy or do



Dùng đúng DẠNG của các từ trong bài tập 1 để hoàn thành các câu trong bài tập 2. Ghi vào tập chuẩn bị.

2 Complete the sentences with the words in 1.

- The company has to _____ more workers to meet the production targets.
- Peter wants to become a pilot although he knows it is a _____ job.
- Workers will receive a generous _____ if they achieve their performance goals.
- Consider completing your course before you apply for this job because it will require _____ qualifications.
- Working as a babysitter could be a _____ experience if you enjoy working with children.

Answers:

- _____
- _____
- _____
- _____

- _____
- _____

Pronunciation

Stressing auxiliary and modal verbs

Remember!

Auxiliary and modal verbs are usually not stressed in connected speech; however, they have stress in the following situations:

- when they are not followed by the main verb in short responses.

Example:

Can we walk to the cinema? – Yes, we **can**.

- when they are contracted with **not** in negative sentences.

Example:

You **haven't** applied for the job yet.

- when they are used to emphasise disagreement with the previous statement.

Example:

A: Nam **wasn't** interested in that job.

B: He **was** interested in the job.

Các em tự luyện tập phát âm thêm.
Không cần chép vào vở chuẩn bị.



1 Listen and repeat. Pay attention to the stressed words.

1. I don't like working with numbers, but my brother **does**.
2. I will help you with your maths homework if I **can**.
3. **A:** You **haven't** submitted your application letter for the job yet.
B: I **have**.
4. My brother **couldn't** ride a bike two months ago, but he **can** now.

2 Listen and underline the stressed auxiliary and modal verbs in the following sentences. Then practise saying the sentences in pairs.

1. I would help you find a job if I **could**.
2. When he started his first job, he **wasn't** used to working in an office, but he is used to it now.
3. **A:** Are you ready for the interview?
B: Yes, I **am**.
4. **A:** Is your father a teacher?
B: He **was**, but he's retired now.

